

**CÔNG TY CỔ PHẦN HANOI SHIPPING**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HANOI SHIPPING

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HANOI SHIPPING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109763458

**3. Ngày thành lập:** 04/10/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 11, ngách 5 ngõ 31 Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.66808899

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                      | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                              | 4101     |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                        | 4102     |
| 3.  | Phá dỡ                                                                                         | 4311     |
| 4.  | Chuẩn bị mặt bằng<br>(trừ nổ mìn)                                                              | 4312     |
| 5.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                          | 4321     |
| 6.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà<br>không khí                       | 4322     |
| 7.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                 | 4329     |
| 8.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                 | 4330     |
| 9.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>(trừ nổ cát)                                            | 4390     |
| 10. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ hoạt động đầu giá)                                 | 4511     |
| 11. | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                    | 4512     |
| 12. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ hoạt động đầu giá)                                   | 4513     |
| 13. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm | 4649     |
| 14. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu<br>động hoặc tại chợ            | 4781     |
| 15. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                       | 4782     |

|     |                                                                                                                                                                                                                |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 16. | Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                             | 4783        |
| 17. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                            | 4784        |
| 18. | Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                            | 4785        |
| 19. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>(Trừ bán lẻ vàng, bán lẻ súng, đạn loại dùng để đi săn hoặc thể thao; bán lẻ tem và tiền kim khí và trừ hoạt động đấu giá tài sản)                               | 4789        |
| 20. | Vận tải hàng hóa đường sắt                                                                                                                                                                                     | 4912        |
| 21. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định;<br>Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; | 4931        |
| 22. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                           | 4933        |
| 23. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                    | 5210        |
| 24. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt                                                                                                                                                       | 5221        |
| 25. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                                                                                                                      | 5222        |
| 26. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                               | 5224        |
| 27. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                        | 5225        |
| 28. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>(trừ dịch vụ hỗ trợ vận tải hàng không)                                                                                                                 | 5229        |
| 29. | Bưu chính                                                                                                                                                                                                      | 5310        |
| 30. | Chuyển phát                                                                                                                                                                                                    | 5320(Chính) |
| 31. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                               | 5610        |
| 32. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                       | 5621        |
| 33. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                           | 5629        |
| 34. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                        | 5630        |
| 35. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                            | 8299        |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông               | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                               | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|---------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN<br>QUANG<br>TRƯỜNG | Thôn Đa Phúc,<br>Xã Tân Tiến,<br>Huyện Văn<br>Giang, Tỉnh Hưng<br>Yên, Việt Nam                                  | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 90.000        | 900.000.000              | 30,000       | 0330760127<br>46                                                                                                       |            |
|     |                           |                                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                  | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                  | Tổng số                            | 90.000        | 900.000.000              | 30,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                  |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN THỊ<br>MAI         | Số 19/521/51/521<br>đường Trương<br>Định, Phường<br>Tân Mai, Quận<br>Hoàng Mai,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 15.000        | 150.000.000              | 5,000        | 0361520052<br>59                                                                                                       |            |
|     |                           |                                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                  | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                  | Tổng số                            | 15.000        | 150.000.000              | 5,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                  |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                     |                                                                                                |                           |         |               |        |              |
|---|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | TRẦN THỊ LAN PHƯƠNG | Số 19/521/51/521 đường Trương Định, Phường Tân Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 195.000 | 1.950.000.000 | 65,000 | 036181010809 |
|   |                     |                                                                                                | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                     |                                                                                                | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                     |                                                                                                | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                     |                                                                                                | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                     |                                                                                                | Tổng số                   | 195.000 | 1.950.000.000 | 65,000 |              |
|   |                     |                                                                                                |                           |         |               |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN QUANG TRƯỜNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 14/07/1976

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 033076012746

Ngày cấp: 28/06/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Đa Phúc, Xã Tân Tiến, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Đa Phúc, Xã Tân Tiến, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội